

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2020

SỞ NỘI VỤ SỐ: 107/MON/TB-HCQG

| | |
|-----|----------------|
| ĐẾN | Số: 771 |
| | Ngày: 10/01/20 |
| | Chuyên: YP |
| | Lưu hồ sơ số: |

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2020

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Học viện Hành chính Quốc gia thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2020 như sau:

1. Ngành tuyển sinh

1.1. Tại Hà Nội: dự kiến 240 chỉ tiêu

- | | |
|--|-------------------|
| - Ngành Quản lý công: 130 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 04 03 |
| - Ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính: 30 chỉ tiêu | Mã số: 8 38 01 02 |
| - Ngành Chính sách công: 30 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 04 02 |
| - Ngành Quản lý kinh tế: 30 chỉ tiêu | Mã số: 8 31 01 10 |
| - Ngành Tài chính – Ngân hàng: 20 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 02 01 |

1.2. Tại thành phố Huế: dự kiến 70 chỉ tiêu

Ngành Quản lý công: 70 chỉ tiêu Mã số: 8 34 04 03

1.3. Tại Tây Nguyên: dự kiến 70 chỉ tiêu

Ngành Quản lý công: 70 chỉ tiêu Mã số: 8 34 04 03

1.4. Tại thành phố Hồ Chí Minh: dự kiến 200 chỉ tiêu

- | | |
|--|-------------------|
| - Ngành Quản lý công: 170 chỉ tiêu | Mã số: 8 34 04 03 |
| - Ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính: 30 chỉ tiêu | Mã số: 8 38 01 02 |

2. Hình thức và thời gian đào tạo

2.1. Hình thức đào tạo: Tập trung

2.2. Thời gian đào tạo: Hai năm

3. Đối tượng và điều kiện dự thi

Đối tượng dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau:

3.1. Về văn bằng

- Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi;
- Người tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự thi và đã học bổ sung kiến thức chương trình đại học tại Học viện (các lớp học bổ sung kiến thức để dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2020 được tổ chức tại Học viện và các Phân viện trực thuộc Học viện từ tháng 2/2020);
- Người tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành Quản lý công và Chính sách công được đăng ký dự thi sau khi đã học bổ sung kiến thức chương trình đại học tại Học viện;

d) Người có chứng chỉ chuyển đổi kiến thức để thi cao học ngành Quản lý công được đăng ký dự thi ngành Chính sách công;

e) Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tương đương.

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

a) Người tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, ngành phù hợp và ngành gần được dự thi 05 ngành trên ngay sau khi tốt nghiệp;

b) Người tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi ngành Quản lý công và Chính sách công phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp đại học.

3.3. Về lý lịch bản thân: Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

3.4. Về điều kiện sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập (trừ đối tượng đăng ký dự thi là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại Điểm e Mục 6.1 của Thông báo này).

3.5. Thời hạn nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Học viện.

4. Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần, ngành khác

Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác được đăng tải trên website của Học viện Hành chính Quốc gia: <http://www.napa.vn>.

5. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh 3 môn, cụ thể như sau:

5.1. Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh trình độ A2 (áp dụng chung đối với 05 chuyên ngành);

5.2. Hai môn thi khác đối với từng ngành

a) Ngành Quản lý công:

- Môn 1: Quản lý học đại cương;

- Môn 2: Lý luận hành chính nhà nước.

b) Ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính:

- Môn 1: Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật;

- Môn 2: Luật Hiến pháp.

c) Ngành Tài chính – Ngân hàng

- Môn 1: Kinh tế học

- Môn 2: Tài chính – Tiền tệ

d) Ngành Chính sách công:

- Môn 1: Quản lý học đại cương;

- Môn 2: Những vấn đề cơ bản về chính sách công.

đ) Ngành Quản lý kinh tế

- Môn 1: Kinh tế học;

- Môn 2: Quản lý nhà nước về kinh tế.

5.3. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Học viện thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ.

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) trong thời hạn 02 (hai) năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận, gồm: (1) Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; (2) Đại học Hà Nội; (3) Đại học Sư phạm Hà Nội; (4) Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế; (5) Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; (6) Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh; (7) Đại học Cần Thơ; (8) Đại học Thái Nguyên.

Học viện tổ chức thẩm định văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh để xem xét việc miễn thi ngoại ngữ theo Phụ lục II của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

6. Đối tượng và chính sách ưu tiên

6.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành (Thí sinh nộp Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thể hiện sự công tác liên tục trong 02 năm);

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận thương binh hoặc Giấy chứng nhận hưởng chính sách như thương binh);

c) Con liệt sĩ (Thí sinh nộp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và Giấy khai sinh);

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động (Thí sinh nộp Quyết định tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang hoặc Quyết định tặng danh hiệu Anh hùng lao động);

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này (Thí sinh nộp Sổ hộ khẩu gia đình);

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học (Thí sinh nộp Quyết định trợ cấp của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và Giấy khai sinh).

6.2. Mức ưu tiên

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 6.1 của Thông báo này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định của Thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn chủ chốt của ngành (ngành

Quản lý công: môn Lý luận hành chính nhà nước; ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính: môn Luật Hiến pháp; ngành Tài chính – Ngân hàng: môn Tài chính – Tiền tệ; ngành Chính sách công: môn Những vấn đề cơ bản về chính sách công; ngành Quản lý kinh tế: môn Kinh tế học).

b) Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên cho một đối tượng.

7. Hồ sơ tuyển sinh

7.1. Nộp hồ sơ theo các danh mục sau

a) Đơn đăng ký dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (theo mẫu);

b) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án dân sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

c) 02 bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, 02 bản sao công chứng bằng điểm và 01 bản sao công chứng chứng chỉ bổ sung kiến thức do Học viện cấp;

d) 02 bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ, nếu thuộc một trong các trường hợp được miễn thi môn ngoại ngữ (mang theo văn bằng, chứng chỉ gốc để đối chiếu khi tiếp sinh);

đ) Giấy chứng nhận có đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa (trong vòng 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ);

e) 02 bản sao công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);

g) Xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự về kinh nghiệm công tác chuyên môn hoặc bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng/ bổ nhiệm/ hợp đồng lao động để xác nhận về kinh nghiệm công tác chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học ngành khác;

h) 06 ảnh 3 x 4 có ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh của thí sinh sau từng ảnh;

i) 02 phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ người nhận (để gửi Giấy báo)

k) 01 bản photo 2 mặt chứng minh thư/thẻ căn cước.

7.2. Thời gian phát hành và nhận hồ sơ: Từ ngày 03/02/2020 đến ngày 29/4/2020 (Hồ sơ đăng ký dự thi theo mẫu do Học viện Hành chính Quốc gia phát hành).

7.3. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

a) Tại Hà Nội: Phòng 112 Nhà A – Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả quản lý đào tạo sau đại học, số 77 đường Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội; điện thoại liên hệ: (024) 37.731.907;

b) Tại Huế: Phòng Quản lý đào tạo Bồi dưỡng, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Huế, số 201 đường Phan Bội Châu, thành phố Huế; điện thoại liên hệ: (0234).3.931.602;

c) Tại Tây Nguyên: Phòng Quản lý đào tạo Bồi dưỡng, Phân viện khu vực Tây Nguyên, số 51 đường Phạm Văn Đồng, thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; điện thoại liên hệ: (0262).3.865.866;

d) Tại Thành phố Hồ Chí Minh: Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại liên hệ: (028) 38.632.701.

8. Thời gian, địa điểm thi tuyển sinh

8.1. Thời gian thi: Ngày 30/5/2020 (Thứ Bảy) và ngày 31/5/2020 (Chủ Nhật).

8.2. Địa điểm thi:

a) Tại Hà Nội: Học viện Hành chính Quốc gia, số 77 đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội; điện thoại liên hệ: (024) 37.731.907;

b) Tại Huế: Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Huế, số 201 đường Phan Bội Châu, thành phố Huế; điện thoại liên hệ: (0234).3.931.602;

c) Tại Tây Nguyên: Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại khu vực Tây Nguyên, số 51 đường Phạm Văn Đồng, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; điện thoại liên hệ: (0262).3.865.866;

d) Tại thành phố Hồ Chí Minh: Phân viện Học viện Hành chính Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, số 10 đường 3/2, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; điện thoại liên hệ: (028) 38.632.701.

9. Lệ phí thi tuyển sinh

9.1. Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000 đồng/hồ sơ;

9.2. Lệ phí thi tuyển sinh: 120.000 đồng/môn thi/thí sinh;

(Thí sinh nộp lệ phí đăng ký dự thi và lệ phí thi tuyển sinh khi nộp hồ sơ).

Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi (số báo danh, phòng thi, lịch thi); kết quả tuyển sinh, danh sách thí sinh trúng tuyển; kế hoạch khai giảng khóa học và các thông tin có liên quan sẽ được niêm yết trên các bảng tin và cập nhật trên trang thông tin điện tử của Học viện Hành chính Quốc gia: <http://www.napa.vn>. *Mab*

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Các Bộ, Ban, ngành TW (Vụ TCCB);
- Các UBND tỉnh, TP trực thuộc TW; các Sở, ban, ngành, trường chính trị tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Học viện, trường cao đẳng, đại học;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Lưu VT, SDH.



Đặng Xuân Hoan

